

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2023

Tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023; về “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số D, đường T, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: Số C, đường C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Bảo T1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số D, đường T, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bị đơn; vắng mặt nguyên đơn-có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Anh **Huỳnh Bảo T1**, chị **Nguyễn Thị Thùy T** ly hôn ngày 05/7/2022 theo bản án số 47/2022/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Tại Bản án anh **T1**, chị **T** không tranh chấp về con nên Tòa án không giải quyết. Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được quyền nuôi con nên anh **T1** đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh anh **T1** đồng ý giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba người con chung **Huỳnh Bảo Lâm T2**, sinh ngày 02/01/2011; **Huỳnh Minh N**, sinh ngày 25/10/2014 và **Huỳnh Tấn P**, sinh ngày 18/10/2019. Tuy nhiên, từ khi chị **T** được quyền nuôi con đến nay anh **T1** không thăm nom, chăm sóc con, cũng không chu cấp tiền nuôi con. Hiện nay các con đã lớn, nhu cầu tăng, trong khi một mình thu nhập của chị **T** không đủ để lo cho các con được đầy đủ. Do đó, chị **T** yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T** yêu cầu 3.000.000 đồng/tháng/con. Trước đây chị **T** làm nghề buôn bán mặt kính, tuy nhiên đã nghỉ và hiện nay phụ buôn bán vàng, bình quân thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, ngoài ra không có thu nhập gì khác.

Sau khi ly hôn cho đến nay thì chị **T** chưa có nhà riêng, hiện còn sống với mẹ ruột. Trước đây hai cháu **T2** và **N** sinh sống và học tại Đồng Nai nhưng sau khi Tòa án ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05/01/2023 thì hai cháu đã chuyển về **Đức L** sinh sống với chị **T** cùng với cháu **P**. Bản thân cháu **T2** hiện nay học lớp 6, trường **Phan Bội Châu thị trấn Đ**; cháu **N** học lớp 3; cháu **P** học lớp mầm.

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Anh Huỳnh Bảo T1 làm nghề buôn bán mắt kính, bình quân mỗi tháng tôi thu nhập 20.000.000 đồng. Bản thân anh T1 chưa có nhà riêng, hiện sống chung với mẹ ruột, hằng ngày thì anh T1 làm việc và ở tại Kiốt kinh doanh. Mặc dù thu nhập của anh T1 là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh T1, chị T có vay vốn làm ăn nên còn một số khoản nợ chưa được giải quyết. Mặc dù ly hôn nhưng giữa anh T1 và chị T chưa giải quyết chia tài sản chung, nợ chung, nên thời gian vừa qua anh T1 vẫn là người trực tiếp trả lãi cho các chủ nợ. Đồng thời do thuê K kinh doanh nên anh còn phải trả chi phí mặt bằng. Do đó, với điều kiện và khả năng hiện nay anh T1 chỉ đủ điều kiện trang trải cuộc sống cá nhân và trả lãi vay, không đủ điều kiện để cấp dưỡng, nên không đồng ý cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Huỳnh Bảo T1 cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Bảo T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp về cấp dưỡng” được quy định tại khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T, tuy nhiên chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa.

[4] Vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không tham gia phiên tòa.

[5] Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh anh T1 đồng ý giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục ba người con chung **Huỳnh Bảo Lâm T2**, sinh ngày 02/01/2011; **Huỳnh Minh N**, sinh ngày 25/10/2014 và **Huỳnh Tấn P**, sinh ngày 18/10/2019.

[6] Theo chị **T** sau khi chị được quyền nuôi con anh **T1** không thăm nom, chăm sóc con, cũng không cấp dưỡng tiền nuôi con, nên chị yêu cầu Tòa án buộc anh **T1** phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi người con là 3000.000 đồng/tháng.

Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, quy định:

“2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Do đó, yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị **T** là chính đáng.

Sau khi ly hôn và kể từ khi Tòa án giải quyết quyền nuôi con đến nay chị **T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con; bản thân anh **T1** thừa nhận từ đó đến nay anh không thăm nom, chăm sóc con, cũng không phụ cấp gì để chị **T** nuôi con. Mặc dù anh **T1** cho rằng bản thân anh hiện nay không đủ điều kiện để cấp dưỡng tiền nuôi con, do còn phải trả tiền thuê **K** kinh doanh, trả tiền lãi của các khoản vay trong thời kỳ hôn nhân với chị **T** và chi phí cho sinh hoạt của bản thân. Thế nhưng chị **T** cũng không có nghề nghiệp, chưa có chỗ ở ổn định nhưng lại đang là người trực tiếp nuôi cả ba con. Hiện nay các con đang trong độ tuổi phát triển, lại đang theo học tại các cơ sở giáo dục, nên chi phí cho việc học tập, sinh hoạt là cần thiết. Nên khai nại của anh **T1** là thiếu trách nhiệm, các con đều là con chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bản thân anh **T1** không trực tiếp nuôi con, không có trách nhiệm trong việc cùng chị **T** chăm sóc con lại từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng. Trong khi đó, cấp dưỡng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con.

[7] Tuy nhiên, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/con mà chị **T** yêu cầu là cao so với nhu cầu hiện nay của các con, mức sống tại địa phương, cũng như điều kiện hiện nay của anh **T1**, nên cần điều chỉnh mức cấp dưỡng 2000.000 đồng/con/tháng là hợp lý.

[8] Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị Thùy T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh **Huỳnh Bảo T1** chậm thực hiện nghĩa vụ, thì anh **T1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[9] Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì yêu cầu về cấp dưỡng thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí. Cùng với việc khởi kiện chị **T** có đơn miễn nộp tạm ứng án phí và được Tòa án chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí. Do yêu cầu khởi kiện của chị **T** được chấp nhận nên cần buộc anh **T1** phải chịu án phí.

[10] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thùy T**.

Buộc anh **Huỳnh Bảo T1** phải cấp dưỡng tiền nuôi con **Huỳnh Bảo Lâm T2**, sinh ngày 02/01/2011; **Huỳnh Minh N**, sinh ngày 25/10/2014 và **Huỳnh Tấn P**, sinh ngày 18/10/2019 cho chị **Nguyễn Thị Thùy T** mỗi tháng là 2000.000 đồng/tháng/con; nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chị **T** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

*Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị Thùy T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh **Huỳnh Bảo T1** chậm thực hiện nghĩa vụ, thì anh **T1** còn*

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Chị **Nguyễn Thị Thùy T** không phải nộp án phí. Anh **Huỳnh Bảo T1** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường